

Số: 542 /TM-VTVN

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2025

THƯ MỜI QUAN TÂM

Kính gửi: Nhà cung cấp

Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học số 07/2025/NCPTVL.02/25-27/HĐ-QPTKHC ký ngày 15/8/2025 giữa Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Vũ trụ Việt Nam về việc thực hiện nhiệm vụ “Nghiên cứu chế tạo vật liệu composite hấp thụ sóng radar trên cơ sở graphene, định hướng ứng dụng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh”, mã số NCPTVL.02/25-27;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-VTVN ngày 08/9/2025 của Tổng Giám đốc Trung tâm Vũ trụ Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Chi mua vật tư, hóa chất, nguyên vật liệu năm thứ nhất”, thuộc nhiệm vụ mã số NCPTVL.02/25-27.

Hiện tại, Trung tâm Vũ trụ Việt Nam đang tìm kiếm nhà thầu cho gói thầu “Chi mua vật tư, hóa chất, nguyên vật liệu năm thứ nhất”, thuộc nhiệm vụ mã số NCPTVL.02/25-27. Trung tâm kính mời nhà cung cấp quan tâm nộp 01 bộ Hồ sơ năng lực (kèm theo báo giá) trước ngày 17/9/2025 để đăng ký tham gia thực hiện gói thầu trên. Tài liệu gửi về theo địa chỉ: Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, nhà A6, số 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, Đ.02

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Xuân Huy



PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời số 54/TTM-VTV ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Trung tâm Vũ trụ Việt Nam)

STT	Tên hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	MWCNTs	Chiều dài: < 10 μ m; Độ tinh khiết: > 95%				Gram	150		
2	Graphene Nanoplatelets	Độ dày: 2-10 nm; Đường kính: 2~7 μ m				Gram	150		
3	Tween-60	Khối lượng phân tử: 522,68 g/mol				Lít	10		
4	Tween-80	75% oleic acid				Lít	4		
5	Thionyl chloride (SOCl ₂)	Khối lượng riêng: 1,35 g/ml				Lít	8		
6	Hydrogen peroxide (H ₂ O ₂)	Hàm lượng: 3,0% - 3,5%				Lít	8		
7	Sulfuric Acid (H ₂ SO ₄)	Hàm lượng: 95% - 98%				Lít	25		
8	Nitric Acid (HNO ₃)	Hàm lượng: 70%				Lít	10		
9	Ethanol	Độ tinh khiết: $\geq$ 99%				Lít	95		
10	Nước cất	Chưng cất 2 lần; Độ dẫn điện riêng: $\leq$ 5 μ S/cm				Lít	400		
11	Găng tay	Độ dày: 0,11 mm				Hộp	10		



STT	Tên hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
12	Keo epoxy	Độ nhớt: 1200-3000 cps				Kg	2		
13	Sợi cacbon	Tám, màu đen				Tám	5		
14	Màng lọc Cellulose Nitrate	Kích thước màng lọc: Ø47 mm; Kích thước lỗ lọc: $\leq 0,47$ μm				Hộp	4		
15	Giấy nhám	P240				Túi	1		
16	L-Ascorbic	Khối lượng riêng: 1,65 g/cm ³				Gram	25		
17	Iron(III) Oxide	Độ tinh khiết: $\geq 99\%$				Gram	100		
18	Chitosan	Khối lượng phân tử: 1526,46 g/mol				Gram	75		
19	Iron(II,III) oxide	Độ tinh khiết: 97%				Gram	100		

Ghi chú: Báo giá cần ghi chi tiết các nội dung về: Hiệu lực của báo giá, thời gian giao hàng và các điều kiện khác (nếu có).

